

Bản án số: 17/2018/DS-ST
Ngày 14-11-2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Yên

Ông Lê Tất Kề.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 34/2018/TLST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2018 về Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2018/QĐXX-ST ngày 12 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2018/QĐST-DS ngày 29 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty T; địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Ree, số 9 đường Đ, Phường 12, Quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

Bà Trần Thị Thùy L và ông Ngô Văn P; cùng địa chỉ: Số 16A/119 phố T, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 711/UQTA-VH.18 ngày 19/7/2018). Có mặt.

- Bị đơn: Ông Ngô Long H; địa chỉ: Số 305 Lô E Chung cư, tổ dân phố E6, phường C, quận H, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 7 năm 2018 và trong quá trình xét xử, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 15 tháng 3 năm 2017, ông Ngô Long H ký hợp đồng tín dụng số 20170315-0009797 với Công ty T để vay số tiền: 33.520.236 đồng (trong đó bao gồm các khoản sau: 20.700.000 đồng và phí bảo hiểm 1.747.500 đồng là khoản vay của

Hợp đồng số 20170315-0009797, số dư nợ cũ là 11.072.736 đồng) ; thời hạn vay: 20 tháng; lãi suất vay: 2,92%/tháng; mục đích vay: Tiêu dùng tín chấp; phương thức cho vay: Trả góp gốc lãi hàng tháng. Ngày 18 tháng 3 năm 2017, Công ty T đã giải ngân cho ông H số tiền 33.520.236 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông H đã thanh toán cho Công ty T 6.732.000 đồng (trong đó trả nợ gốc là 2.553.354 đồng, trả lãi là 4.178.646 đồng). Từ ngày 18/5/2017, ông Ngô Long H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ hàng tháng như đã cam kết. Công ty T đã làm việc trực tiếp và gửi thông báo yêu cầu trả nợ cho ông H, nhưng ông H từ chối không nhận bất kỳ văn bản nào của Công ty. Tính đến ngày 04/7/2018, ông Ngô Long H còn nợ Công ty T số tiền gốc là 30.966.882 đồng và số tiền lãi trong hạn là 6.100.287 đồng, tổng cộng là 37.067.169 đồng. Công ty T yêu cầu Tòa án buộc ông Ngô Long H phải trả cho Công ty T số tiền 37.067.169 đồng và phải tiếp tục trả lãi tính trên nợ gốc chưa thanh toán kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả xong nợ theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Công ty T không yêu cầu ông H phải trả tiền lãi tính trên nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 05/7/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm – ngày 14/11/2018.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các Thông báo và giấy triệu tập cho bị đơn là ông Ngô Long H. Nhưng ông H từ chối không nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, không đến Tòa án và cũng không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty T.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của bị đơn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, 119 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 và khoản 1 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Án lệ số 08/2016/AL ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Bị đơn phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án dân sự tranh chấp về hợp đồng tín dụng giữa tổ chức tín dụng với cá nhân không có mục đích lợi nhuận, thuộc thẩm quyền giải quyết

của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là ông Ngô Long H, hiện cư trú tại số nhà 305 Lô E Chung cư, tổ dân phố E6, phường C, quận H, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải An theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, ông Ngô Long H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán số tiền 37.067.169 đồng, Hội đồng xét xử đánh giá như sau: Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 20170315-0009797 ngày 15 tháng 3 năm 2017 giữa Công ty T và ông Ngô Long H được thể hiện bằng văn bản; chủ thể tham gia ký kết hợp đồng là những người có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự và hoàn toàn tự nguyện; mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, hợp đồng có hiệu lực pháp luật theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật dân sự năm 2015. Sau khi ký hợp đồng tín dụng, ngày 18 tháng 3 năm 2017 Công ty T đã giải ngân cho ông H số tiền 33.520.236 đồng được thể hiện tại Sao kê giải ngân từ tài khoản và ông H đã cam kết nhận nợ đối với số tiền này. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, mới trả được cho Công ty T số tiền là 6.732.000 đồng (trong đó trả nợ gốc là 2.553.354 đồng, trả lãi là 4.178.646 đồng). Công ty T xác nhận ông H còn nợ số tiền gốc là 30.966.882 đồng và số tiền lãi là 6.100.287 đồng, tổng cộng là 37.067.169 đồng và đã khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông H phải thanh toán cho Công ty số tiền còn nợ này. Mặc dù ông H từ chối không nhận Thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân quận Hải An, song tài liệu trong hồ sơ thể hiện ông H đã đọc thông báo này nên đã biết được yêu cầu khởi kiện của Công ty T đối với mình, nhưng ông H không có ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của Công ty T về việc buộc ông Ngô Long H phải thanh toán số tiền 37.067.169 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải tiếp tục trả lãi tính trên nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả xong nợ theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau: Theo án lệ số 08/2016/AL ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao: *“Đối với các khoản vay của tổ chức Ngân hàng, tín dụng, ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên cho vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ*

được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay”. Vì vậy, yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án là 1.853.000 đồng (đã được làm tròn). Trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 920.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 235 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117 và Điều 119 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Án lệ số 08/2016/AL ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Buộc ông Ngô Long H phải thanh toán cho Công ty T số tiền gốc là 30.966.882 đồng và số tiền lãi là 6.100.287 đồng, tổng cộng là 37.067.169 đồng (Bằng chữ: Ba mươi triệu chín trăm sáu mươi sáu nghìn tám trăm tám mươi hai đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Ngô Long H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Công ty T thì lãi suất mà ông Ngô Long H phải tiếp tục thanh toán cho Công ty T theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Công ty T.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Ngô Long H phải nộp 1.853.000 đồng (Bằng chữ: Một triệu tám trăm năm mươi ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại Công ty T 920.000 đồng (Bằng chữ: Chín trăm hai mươi nghìn đồng) là tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0016484 ngày 08 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THADS quận Hải An;
- TANDTP Hải Phòng;
- Lưu: VP; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bình